

THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Nguyễn Thị Ánh Mai¹, Bùi Thị Tâm¹, Vũ Trọng Hào¹

Ngày nhận bài: 28/10/2024; Ngày phản biện thông qua: 11/11/2024; Ngày duyệt đăng: 15/11/2024

TÓM TẮT

Rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là nhiệm vụ của các nhà trường đào tạo sư phạm. Bài báo nhằm mục đích khảo sát thực trạng rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục của sinh viên ngành Giáo dục mầm non ở trường Đại học Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên đã nhận thức tốt về sự cần thiết của kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục và đã có những kĩ năng cơ bản trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Tuy nhiên, mức độ đạt được của các kĩ năng chưa cao, điều này xuất phát từ thực trạng sử dụng các con đường, hình thức dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Kết quả nghiên cứu là định hướng để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non và góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Đại học Tây Nguyên.

Từ khóa: Hoạt động giáo dục, kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục, sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

1. MỞ ĐẦU

Những năm vừa qua, giáo dục nước ta có những đổi mới mạnh mẽ nhằm hướng đến nâng cao chất lượng và hội nhập với giáo dục quốc tế. Những đổi mới được triển khai đồng bộ từ mầm non lên tới đại học. Trường mầm non ngoài nhiệm vụ tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ còn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục (HĐGD). Tổ chức các HĐGD ở trường mầm non nhằm phát triển kinh nghiệm sống cho trẻ, giúp trẻ có cơ hội được vận dụng những kiến thức trong nhà trường để giải quyết các tình huống trong cuộc sống. Vì vậy, ở mầm non HĐGD có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ.

Để thực hiện tốt các HĐGD trong trường mầm non thì kĩ năng (KN) của đội ngũ nhà giáo là hết sức quan trọng, trong đó phải kể đến kĩ năng tổ chức các HĐGD. Vì ngoài việc chăm sóc trẻ giáo viên mầm non còn cần giúp trẻ phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, ngôn ngữ thông qua tổ chức các HĐGD.

Thực tế trong quá trình đào tạo thời gian vừa qua tại trường Đại học Tây Nguyên, cụ thể là trong các đợt thực hành, thực tập sư phạm sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) năm thứ 3 và năm 4 còn gặp nhiều khó khăn khi hướng dẫn trẻ tham gia các HĐGD. Các KN như: lập kế hoạch, tiến hành tổ chức các HĐGD và đánh giá kết quả hoạt động của SV còn khá hạn chế. Giảng viên (GV) còn gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn và vận dụng các hình thức dạy học hiệu quả

để rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV. Vì vậy việc nghiên cứu thực trạng rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN non có ý nghĩa quan trọng góp phần cung cấp các dữ liệu cụ thể để xác định nguyên nhân, tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tập và rèn luyện, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN ở trường Đại học Tây Nguyên.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng rèn luyện KN tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Nội dung nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

- Làm rõ khái niệm: HĐGD ở trường mầm non; kĩ năng tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN.

- Đánh giá thực trạng rèn luyện KN tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2.3. Vật liệu và khách thể nghiên cứu

2.3.1. Vật liệu nghiên cứu

Các hoạt động giáo dục ở trường mầm non

2.3.2. Khách thể nghiên cứu

- 274 SV ngành GDMN, trong đó: Lớp GDMN 20A (53 SV); GDMN 20B (57SV); GDMN 21 (77

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ánh Mai; ĐT: 09731121292; Email: ntamai@ttn.edu.vn.

SV), GDMN 22 (87 SV).

- 20 giảng viên tham gia giảng dạy cho ngành GDMN.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ nội dung trên chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu: Đó là các công trình, bài báo về HĐGD ở trường mầm non, KN tổ chức HĐGD ở trường mầm non.

- Phương pháp điều tra: điều tra khảo sát 274 sinh viên ngành GDMN và 20 GV tham gia giảng dạy các học phần liên quan nhằm đánh giá được thực trạng rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV.

- Phương pháp phỏng vấn: phỏng vấn 03 GV và 05 SV để làm sáng tỏ hơn những kết quả trong quá trình nghiên cứu, mong muốn của SV trong quá trình học tập và rèn luyện.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 25 để thống kê và xử lý số liệu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số vấn đề về hoạt động giáo dục và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

3.1.1. Hoạt động giáo dục

Ở trường mầm non, các HĐGD được xác định đa dạng và hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Theo tác giả Nguyễn Thị Hòa, các HĐGD ở trường mầm non được cụ thể hóa theo hướng tích hợp, tức là các HĐGD gắn liền với các chủ đề chủ điểm và sự phát triển toàn diện của trẻ em. Ở trường mầm non có các HĐGD tích hợp theo chủ đề sau: Chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non; Hoạt động với đồ vật ở trường mầm non; Hoạt động vui chơi ở trường mầm non; Hoạt động học tập ở trường mầm non; Ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non (Nguyễn Thị Hòa, 2023).

Theo Thông tư số 01/VBHN – BGD&ĐT về ban hành Chương trình Giáo dục mầm non năm 2021, các HĐGD ở mầm non được xác định cụ thể như sau:

Đối với trẻ nhà trẻ: Hoạt động giao lưu cảm xúc; Hoạt động với đồ vật; Hoạt động chơi; Hoạt động chơi - tập có chủ định; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.

Đối với trẻ mẫu giáo: Hoạt động chơi; Hoạt động học; Hoạt động lao động; Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân (Bộ GD&ĐT, 2021).

Căn cứ theo mục tiêu phát triển toàn diện trẻ

mầm non, các HĐGD ở trường mầm non trong nghiên cứu này được xác định cụ thể theo các lĩnh vực sau: HĐGD phát triển nhận thức; HĐGD phát triển thể chất; HĐGD phát triển thẩm mỹ; HĐGD phát triển tình cảm đạo đức xã hội; HĐGD phát triển ngôn ngữ.

3.1.2. Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

a. Kỹ năng

Có nhiều quan niệm về kỹ năng và nó được nhìn dưới những góc độ khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất: Xem xét KN là khả năng: Theo Đại từ điển Tiếng Việt “Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế” (Nguyễn Như Ý, 1999).

Thứ hai: Xem xét KN nghiêng về mặt kỹ thuật hành động. Theo khuynh hướng này, KN được xem là phương tiện thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động mà con người đã nắm vững.

Thứ ba: Xem xét KN nghiêng về mặt năng lực của con người. Theo khuynh hướng này, KN không chỉ đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động mà là một biểu hiện về năng lực của con người. K.K.Platonov và G.G.Golubev cũng chú ý tới mặt kết quả trong hành động của KN. Theo họ, KN là năng lực của con người thực hiện công việc có kết quả với một chất lượng cần thiết trong những điều kiện mới và trong những khoảng thời gian tương ứng.

Đặng Thành Hưng cho rằng KN là một dạng chuyên biệt của năng lực, KN không phải là khả năng của cá nhân, mà là thuộc tính có thật ở cá nhân. KN là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học – tâm lý khác của cá nhân như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định (Đặng Thành Hưng, 2010).

Hay tác giả Nguyễn Quang Uẩn cho rằng: “*Kỹ năng là năng lực của con người biết vận hành các thao tác của một hành động theo đúng quy trình*” (Nguyễn Quang Uẩn, 1996).

Từ những quan điểm trên có thể thấy kỹ năng được thể hiện: Tri thức là cơ sở, là nền tảng để hình thành kỹ năng; Kỹ năng là sự chuyển hóa tri thức thành năng lực hành động của cá nhân; Kỹ năng luôn gắn với một hành động hoặc một hoạt động nhất định nhằm đạt được mục đích đã đặt ra.

Căn cứ sự phân tích trên đây, chúng tôi xác định kỹ năng là khả năng của con người được thực

hiện dựa trên kinh nghiệm của bản thân, thông qua quá trình rèn luyện nhằm đạt được kết quả theo mục tiêu hay các tiêu chí đã định.

b. Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Trong nghiên cứu này chúng tôi quan niệm rằng, KN tổ chức HĐGD là việc vận dụng những kiến thức về tổ chức HĐGD ở trường MN vào tổ chức quá trình hoạt động và giao lưu của trẻ trong nhà trường nhằm giúp trẻ nhận thức và có thái độ đúng đắn, có hành vi văn hóa đạo đức phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục mầm non.

3.1.3. Các thành phần của kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Căn cứ trên quy trình tổ chức HĐGD, căn cứ chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, căn cứ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành GDMN, đề tài xác định kỹ năng tổ chức HĐGD của sinh viên ngành GDMN gồm các kỹ năng thành phần sau: KN thiết kế kế hoạch tổ chức HĐGD; KN triển khai kế hoạch HĐGD; KN đánh giá HĐGD.

- *Kỹ năng thiết kế kế hoạch tổ chức HĐGD:* Xác định mục tiêu của HĐGD; Xây dựng các HĐGD cụ thể; Lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức HĐGD phù hợp; Xây dựng tiến trình tổ chức HĐGD.

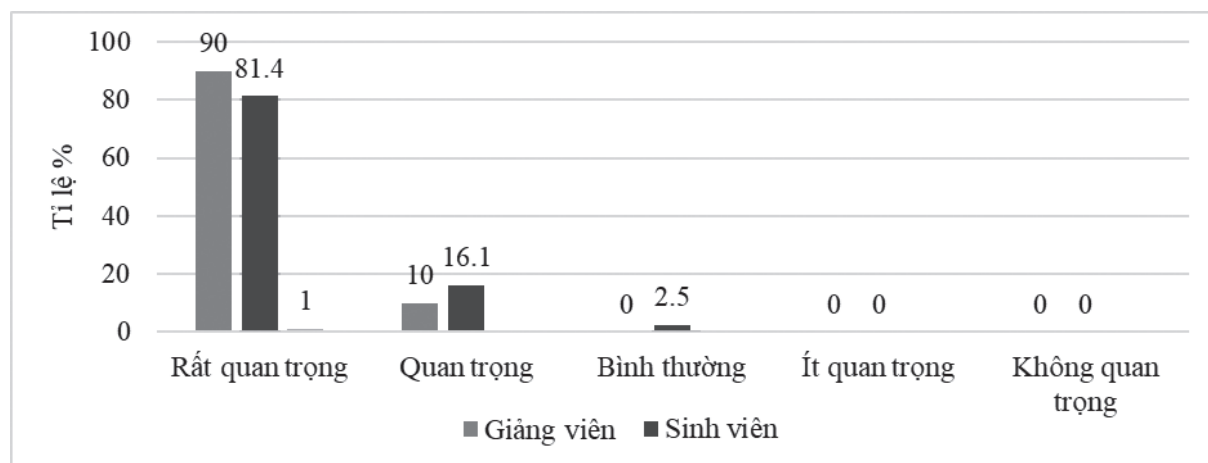
- *Kỹ năng triển khai kế hoạch HĐGD:* Tạo hứng thú tham gia hoạt động cho trẻ; Tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể; Quản lý về mặt thời gian từng hoạt động; Quản lý thực hiện HĐGD của trẻ; Xử lý các tình huống sư phạm; Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ thân thiện.

- *Kỹ năng đánh giá HĐGD:* Xác định nội dung đánh giá; Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật đánh giá vào đánh giá kết quả hoạt động của trẻ; Tổng kết kinh nghiệm tổ chức HĐGD.

3.2. Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Nguyên

3.2.1. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Kỹ năng tổ chức HĐGD ở trường mầm non có vai trò to lớn đối với người giáo viên trong công tác giáo dục trẻ mầm non. Quá trình đào tạo giáo viên mầm non chịu sự tác động lớn bởi nhận thức của các chủ thể về sự cần thiết của KN trên. Do đó, để đánh giá được mức độ kỹ năng tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN chúng tôi tiến hành khảo sát nhận thức về sự cần thiết của KN tổ chức HĐGD, kết quả thu được ở bảng dưới đây:



Biểu đồ 1. Đánh giá của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục

Biểu đồ trên đây thể hiện đánh giá của GV và SV về tầm quan trọng của KN tổ chức HĐGD. Kết quả cho thấy có 90% GV cho rằng KN tổ chức HĐGD là “*Rất quan trọng*” đối với SV ngành GDMN; có 10% ý kiến GV cho rằng “*Quan trọng*” và không có ý kiến nào chọn bình thường hoặc không quan trọng.

Về phía SV, tỉ lệ ở các lựa chọn có sự khác biệt hơn, mức độ “*Rất quan trọng*” vẫn là lựa chọn hàng đầu nhưng tỉ lệ hạn chế hơn GV với 81.4%, mức độ “*Quan trọng*” chiếm 16,1%. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít SV (2,5%) đánh giá KN tổ chức

HĐGD chưa thực sự quan trọng, ở mức “*Bình thường*” trong các KN cần có của SV sư phạm ngành GDMN.

Nhìn chung, các chủ thể trong quá trình giảng dạy và rèn luyện KN tổ chức HĐGD đã có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của KN tổ chức HĐGD trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Kết quả đánh giá này tạo cơ sở thuận lợi cho việc rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV.

3.2.2. Đánh giá của giảng viên và sinh viên về mức độ kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Thang đo 5 mức độ từ chưa có KN đến KN ở mức rất tốt được sử dụng để đo lường trong câu hỏi này, trong đó điểm tối thiểu là 1, điểm tối đa là 5. Theo công thức tính giá trị khoảng cách ta có:

điểm cao nhất (5) trừ đi điểm thấp nhất (1) và chia cho 5 ta có điểm chênh lệch là 0,8. Dựa vào công thức trên ta có chỉ số đánh giá cho từng KN như bảng dưới đây:

Bảng 1. Thang đo kĩ năng

Mức độ	Giá trị trung bình
Chưa có KN	1,0-1,8
Đạt	1,81-2,6
Khá	2,61-3,40
Tốt	3,41-4,20
Rất tốt	4,21-5,00

Kết quả thống kê giá trị trung bình mức độ kỹ năng tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Đánh giá của GV và tự đánh giá của SV về kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Thành phần/tiêu chí	Sinh viên			Giảng viên		
	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1. Kĩ năng thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục	2,77	0,618	1	2,63	0,602	1
Xác định mục tiêu của HĐGD	2,70	0,658	2	2,70	0,571	1
Xây dựng các hoạt động cụ thể	2,67	0,599	3	2,70	0,571	1
Lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động GD phù hợp	2,80	0,618	1	2,60	0,598	2
Xây dựng tiến trình tổ chức hoạt động GD	2,66	0,600	4	2,55	0,671	3
2. Kĩ năng triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục	2,63	0,599	2	2,61	0,574	2
Tạo hứng thú tham gia hoạt động cho trẻ	2,59	0,576	4	2,75	0,587	1
Tổ chức các HĐGD cụ thể	2,68	0,612	3	2,54	0,605	5
Quản lí về mặt thời gian từng hoạt động	2,73	0,587	1	2,70	0,587	2
Quản lí thực hiện hoạt động giáo dục của trẻ	2,58	0,556	5	2,50	0,513	6
Xử lí các tình huống sự phạm	2,47	0,624	6	2,56	0,605	4
Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, thân thiện	2,70	0,644	2	2,60	0,550	3
3. Kĩ năng đánh giá hoạt động giáo dục	2,49	0,586	3	2,51	0,501	3
Xác định nội dung đánh giá	2,53	0,580	1	2,60	0,503	1
Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật đánh giá vào đánh giá kết quả hoạt động của trẻ	2,47	0,579	3	2,45	0,489	3
KN tổng kết kinh nghiệm tổ chức HĐGD	2,48	0,601	2	2,50	0,510	2

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt giữa đánh giá của GV so với tự đánh giá của sinh viên về KN tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN, cụ thể: Sinh viên tự đánh giá mức độ kĩ năng tổ chức HĐGD cao hơn đánh giá của GV. Tuy có thang điểm khác nhau (điểm trung bình dao động từ 2,45 đến 2,75) nhưng có sự tương đồng về thứ bậc hầu hết ở mức bình thường. Khi đánh giá về mức độ KN tổ chức HĐGD của sinh viên ngành GDMN, cả

GV và SV đều đánh giá cao nhất KN lập kế hoạch tổ chức HĐGD với điểm trung bình (ĐTB) lần lượt là 2,63 và 2,77. Trong đó, tiêu chí “*Lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp*” chiếm ĐTB cao nhất trong tự đánh giá của SV là 2,8 xếp thứ bậc 1, tiêu chí “*Xác định mục tiêu của HĐGD*” được đánh giá ở mức cao thứ 2 với ĐTB là 2,7. GV đánh giá cao ở sinh viên về tiêu chí “*Xác định mục tiêu của HĐGD*” và “*Xây dựng các hoạt*

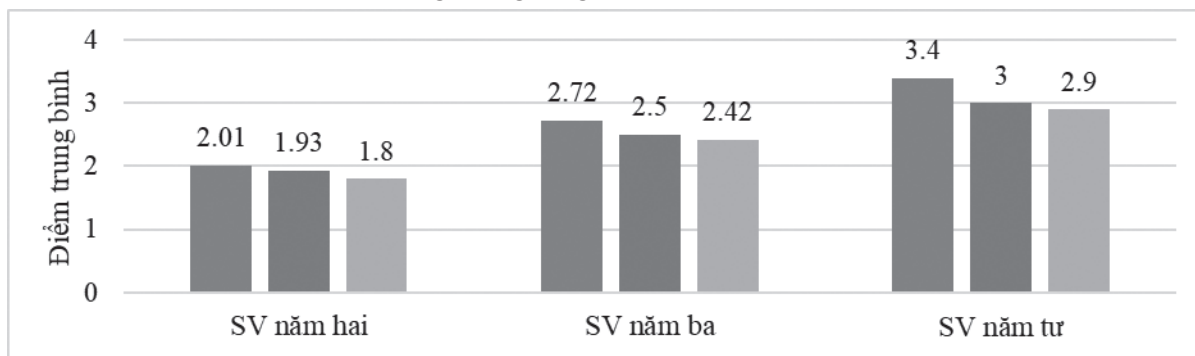
động cụ thể” với ĐTB lần lượt là 2,75 và 2,70.

Nhóm KN được đánh giá có ĐTB cao thứ 2 là nhóm KN triển khai kế hoạch HĐGD với ĐTB là 2,63 ở SV và 2,61 ở GV. Trong đó, tiêu chí thành phần được lựa chọn mức ĐTB cao nhất là “*Quản lý về thời gian từng hoạt động*” lần lượt ở GV là 2,70 và SV là 2,73. GV đánh giá khá cao “*KN tạo hứng thú tham gia hoạt động cho trẻ*” với ĐTB là 2,75, tuy nhiên ở tiêu chí này SV tự đánh giá với kết quả thấp hơn (ĐTB 2,59).

Nhóm kỹ năng được đánh giá mức đáp ứng thấp nhất là KN đánh giá HĐGD. SV và GV đều xếp KN này ở vị trí thứ 3, đứng thứ bậc 3. Tiêu chí lựa chọn ở mức đánh giá thấp nhất là “*KN vận dụng các phương pháp, kỹ thuật đánh giá vào đánh giá kết quả hoạt động của trẻ*” với ĐTB ở GV là 2,45 và SV là 2,47. Nhìn chung, các KN thành phần của KN tổ chức HĐGD đều được đánh giá ở mức trung bình, một số tiêu chí ở mức khá nhưng không đáng

kể. Tự đánh giá của SV có phần nhỉnh hơn so với đánh giá của GV, điều này có thể do SV chưa đánh giá đúng thực lực của bản thân, khá hào phóng khi đưa ra đánh giá về KN này, phần khác thì mức độ nhận thức về KN tổ chức HĐGD của SV và GV khác nhau, SV chưa hiểu thấu đáo về sự cần thiết của KN tổ chức HĐGD. Điều này cũng dễ hiểu khi SV năm thứ 2, 3 chưa thực sự tham gia vào việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm với các hoạt động cụ thể, cũng chưa được học học phần về nghiệp vụ tổ chức HĐGD ở trường mầm non, thiếu kinh nghiệm triển khai tổ chức HĐGD. Do đó, khi tự đánh giá dễ mang tính cảm quan nhiều hơn là dựa vào tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá.

Có sự khác biệt về tự đánh giá mức độ KN tổ chức HĐGD của SV năm thứ hai, 3 và thứ 4. Kết quả về sự khác biệt này là hợp quy trình đào tạo. Cụ thể ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. So sánh điểm trung bình mức độ kỹ năng tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN

Biểu đồ trên cho thấy, có sự chênh lệch giữa kết quả tự đánh giá kỹ năng tổ chức HĐGD của SV. Trong đó:

Tự đánh giá của SV năm hai về KN tổ chức HĐGD thấp nhất (ĐTB 2,01) so với các khóa. Tự đánh giá của SV năm thứ tư cao nhất (ĐTB 3,2), cho thấy sự cải thiện đáng kể về KN tổ chức HĐGD so với các khóa trước. SV năm thứ 3 và năm thứ 4 đánh giá KN của mình ở mức tương đối cao và khá ổn định (ĐTB khoảng 2,5 – 2,7), cho thấy sự tiến bộ so với SV năm nhất. Sự chênh lệch điểm tự đánh giá giữa SV năm hai và năm tư là 1,39 điểm, thể hiện sự cải thiện đáng kể về KN tổ chức HĐGD trong quá trình học tập.

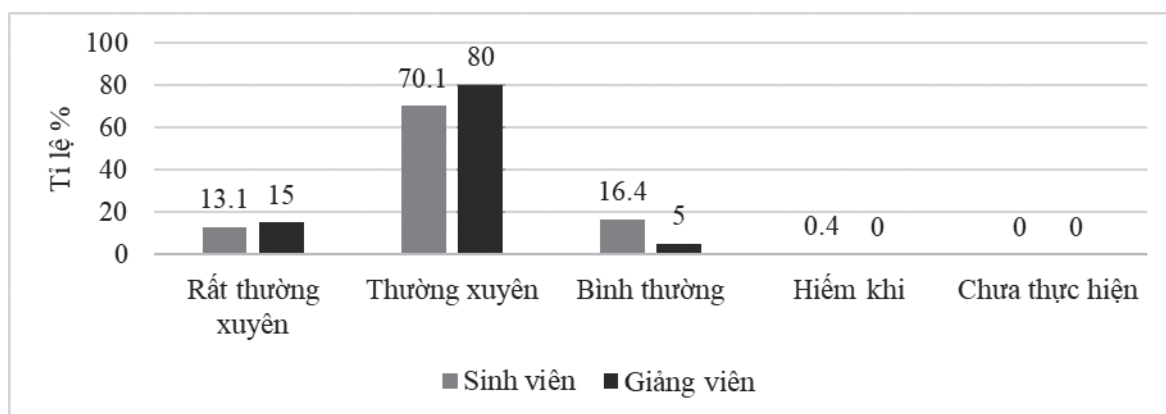
Phỏng vấn em N.V.T - SV năm thứ 2 ngành GDMN, em cho biết “*Chúng em hiện tại đã được tiếp cận nội dung về hoạt động giáo dục ở trường mầm non, nhưng những tiếp cận này đang nằm ở phương diện lý luận và cao nhất là làm quen với xây dựng kế hoạch tổ chức HĐGD chứ SV chưa được rèn luyện KN tổ chức HĐGD*”. Thêm vào đó, trong chương trình đào tạo, năm thứ 3 thứ 4 các học phần có yếu tố thực hành tổ chức HĐGD

ở trường MN mới được vào thì thời điểm này SV mới có nhiều cơ hội để tiếp cận và rèn luyện. Kết quả này một lần nữa khẳng định rằng KN tổ chức HĐGD của SV năm hai thấp hơn SV năm thứ 3, 4 là phù hợp quy trình đào tạo. Nhìn chung, biểu đồ cho thấy có sự cải thiện đáng kể về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của SV ngành GDMN qua các khóa học.

Mặc dù có sự khác biệt về KN tổ chức HĐGD của SV theo chiều hướng tăng lên với tiến trình đào tạo nhưng kết quả đạt được về KN tổ chức HĐGD của SV là chưa cao. Đánh giá với thang đo 5 mức độ (*chưa có KN, Có KN, khá, tốt, rất tốt*), kết quả về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ở trường MN của SV ngành GDMN hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Vẫn còn nhiều SV chưa hoàn thiện hết các KN tổ chức HĐGD, đánh giá về KN tổ chức HĐGD ở mức tốt rất ít, chủ yếu mức khá và trung bình.

3.2.2. Thực trạng rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

a. *Mức độ thực hiện nội rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non của giảng viên*



Biểu đồ 3. Nhận thức của giảng viên và sinh về mức độ thực hiện nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Nhận thức về mức “*Rất thường xuyên*”: SV tự đánh giá là 13,1%, giảng viên đánh giá là 15% . Chênh lệch 1,9 điểm phần trăm, cho thấy sự tương đối nhất quán trong nhận định giữa SV và GV về mức độ “*Rất thường xuyên*” thực hiện các nội dung rèn luyện kỹ năng cho SV. Ở mức “*Thường xuyên*”: SV tự đánh giá là 70,1%, GV đánh giá là 80%. Chênh lệch 9,9 điểm phần trăm, cho thấy GV có nhận định cao hơn về mức độ “*Thường xuyên*” thực hiện các nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức HĐGD cho SV. Ở mức độ “*Bình thường*” SV đánh giá là 16,4%, GV tự đánh giá là 5%. Chênh lệch 11,4 điểm phần trăm, cho thấy GV rất ưu tiên cho việc tổ chức thực hiện nội dung rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV. Đối với mức “*Hiếm khi*” và

“*Chưa bao giờ*” SV lựa chọn 0,4%, GV không có lựa chọn nào. Sự chênh lệch 0,4 điểm phần trăm, cho thấy sự nhất quán tương đối giữa hai bên về mức độ “*Hiếm khi*” và “*Chưa bao giờ*” thực hiện.

Nhìn chung, biểu đồ phản ánh sự khác biệt đáng kể trong nhận định của GV và SV về mức độ thực hiện các nội dung rèn luyện KN tổ chức HĐGD. Đặc biệt, GV có xu hướng đánh giá cao hơn mức “*Thường xuyên*” và thấp hơn mức “*Bình thường*” so với SV tự đánh giá. Điều này cần được trao đổi và tìm hiểu nguyên nhân để xây dựng các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

b. Mức độ sử dụng các con đường rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Bảng 3. Mức độ sử dụng các con đường rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

STT	Các con đường rèn luyện KN tổ chức HĐGD	Giảng viên			Sinh viên		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Thông qua dạy học	3,50	0,917	6	3,56	0,868	4
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3,77	0,815	5	3,60	0,880	3
3	Thông qua hoạt động thực hành, thực tập	3,91	0,922	2	3,63	0,876	2
4	Thông qua dạy học phần Tổ chức HĐGD ở trường mầm non	3,95	1,004	1	3,64	0,904	1
5	Tổ chức hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho SV	2,86	0,773	3	3,48	0,919	6
6	Thực tế học tập	2,82	0,738	4	3,50	0,979	5

Bảng số liệu trên với các chỉ số cho thấy nhà trường đã rất quan tâm đến các con đường rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN.

Về phía SV hầu như các lựa chọn được rải đều ở các phương án, sự khác biệt không nhiều. Điều này đồng nghĩa với việc các em cho rằng hầu như các con đường rèn luyện KN tổ chức HĐGD

cho SV đã được nhà trường sử dụng với mức độ tốt. Tuy nhiên hiệu quả đạt được còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Kết quả phỏng vấn SV lớp GDMN khóa 2021, hầu hết các em đều cho rằng các con đường đưa ra trên đây các em đều được tham gia, tuy nhiên mức độ hiệu quả phụ thuộc khá nhiều vào trình độ của người tổ

chức dạy học phân liên quan chứ không phải hoàn toàn phụ thuộc vào hình thức nào tổ chức ra sẽ mang lại hiệu quả. Hoạt động thực tế học tập nhiều SV cho rằng giúp tăng vốn hiểu biết về các chủ đề giáo dục, giúp các em trải nghiệm được những giá trị văn hóa bên ngoài nhà trường, giúp các em có thêm cơ hội mở rộng các chủ đề liên quan đến văn hóa địa phương.

Đối với GV, quan niệm về các con đường rèn luyện KN tổ chức HDGD cho SV có một số khác biệt. Đặc biệt là ở hai con đường cuối cùng là tổ chức hoạt động tự học, tự nghiên cứu và thực tế

học tập là 2 con đường được lựa chọn ở mức thấp trong khoảng 2,8. GV cho rằng các con đường này là những con đường hỗ trợ, hiện tại mức độ sử dụng chưa thực sự cao như các con đường khác. Theo GV, hiện nay SV chưa thực sự nỗ lực trong việc tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện KN tổ chức HDGD cho bản thân, phần lớn các em phụ thuộc nhiều vào việc dạy học và hình thức được tổ chức theo chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

c. Mức độ sử dụng hình thức dạy học để rèn luyện KN tổ chức HDGD cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Bảng 4. Mức độ sử dụng hình thức dạy học để rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho Sinh viên ngành Giáo dục mầm non

STT	Các hình thức dạy học	Giảng viên			Sinh viên		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Dạy học theo nhóm	4,21	0,470	1	3,88	0,659	1
2	Dạy học vi mô	3,36	0,988	3	3,03	0,909	5
3	Lớp học đảo ngược	2,95	0,875	6	2,79	0,857	6
4	Dạy học dự án	3,23	0,852	4	3,06	0,839	4
5	Dạy học khám phá	3,05	0,768	5	3,32	0,839	3
6	Xem video dạy mẫu	3,41	0,571	2	3,52	0,643	2
7	Mời giáo viên trường MN dạy mẫu	1,55	0,510	7	1,78	0,627	7

Bảng khảo sát trên đây cho thấy hầu hết đã có sự quan tâm đến sử dụng các hình thức dạy học đặc thù để rèn luyện kỹ năng sư phạm cho người học trong đó có KN tổ chức HDGD. Các GV dạy học phân liên quan đến rèn luyện KN tổ chức HDGD đã có sự đa dạng hóa trong việc sử dụng các hình thức dạy học. Các hình thức được GV sử dụng thường xuyên là hình thức dạy học theo nhóm, xem video dạy mẫu (với ĐTB 3,41 ở GV và 3,52 ở SV). Tuy nhiên đối với một số hình thức dạy học mức độ sử dụng chưa cao, điển hình như hình thức mời giáo viên trường MN dạy mẫu chỉ đạt điểm trung bình là 1,55 trong lựa chọn của GV và 1,78 ở SV.

Mô hình lớp học đảo ngược với chỉ số ĐTB không cao (đối với GV là 2,95, SV là 2,79), hình thức dạy học vi mô và dạy học khám phá với chỉ số độ lệch chuẩn cũng tương đối cao, đồng nghĩa với mức độ sử dụng thấp. Điều này chứng tỏ đây là những hình thức ít được sử dụng trong dạy học các học phân liên quan đến rèn luyện KN tổ chức HDGD cho SV, quá trình nghiên cứu cần xem xét áp dụng vào hoạt động dạy học. Đây cũng là định hướng giúp cho đề tài xây dựng các biện pháp phù hợp.

d. Thực trạng đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Bảng 5. Mức độ sử dụng hình thức đánh giá kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục

STT	Các hình thức đánh giá	Giảng viên			Sinh viên		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Kiểm tra tự luận	4,2	0,502	1	3,9	0,744	1
2	Kiểm tra thực hành	4,1	0,581	2	3,6	0,725	3
3	Trắc nghiệm khách quan	2,9	0,753	7	2,7	0,776	7
4	Hồ sơ học tập	3,6	1,014	5	2,8	0,881	6
5	Quan sát	4,0	0,497	3	3,8	0,835	2
6	Đánh giá đồng đẳng	3,7	0,633	4	3,0	0,814	5
7	Tự đánh giá	3,3	0,832	6	3,5	0,782	4

Kết quả trên đây cho thấy, các hình thức kiểm tra đánh giá KN tổ chức HĐGD của SV trong dạy học đã được GV áp dụng khá đa dạng và phong phú. Hình thức được lựa chọn và sử dụng với mức độ thường xuyên nhất là “*kiểm tra tự luận*” (với ĐTB lựa chọn là 4,2 ở GV và 3,9 ở SV cùng xếp thứ bậc 1), “*kiểm tra thực hành*” xếp ở vị trí thứ 2 với 4,1 ở GV và SV xếp ở vị trí thứ 3 cho hình thức này. Sau đó là hình thức “*quan sát*” (GV với 4,0 xếp thứ bậc 2 và SV là 3,8 xếp thứ bậc 3). Hình thức “*trắc nghiệm khách quan*” và “*tự đánh giá*” là hình thức đánh giá được GV lựa chọn ít nhất, họ cho rằng các hình thức này ít được sử dụng trong quá trình bản thân thực hiện đánh giá KN tổ chức HĐGD. Trong khi đó, hình thức đánh giá được SV lựa chọn thấp nhất là “*trắc nghiệm khách quan*” (ĐTB 3,0) và hình thức “*đánh giá đồng đẳng*”

(ĐTB 3,5). Hình thức “*đánh giá đồng đẳng*” có sự khác biệt trong tỉ lệ lựa chọn của GV và SV. Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy, hiện nay GV vẫn sử dụng hình thức đánh giá truyền thống để đánh giá KN tổ chức HĐGD, ít nhiều sẽ có ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV. Với việc rèn luyện KN tổ chức HĐGD, cần phải sử dụng các hình thức sao cho SV có cơ hội được tham gia vào hoạt động đánh giá sẽ giúp các em nắm rõ được yêu cầu về HĐGD và phát triển được kỹ năng sư phạm.

3.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện kỹ năng tổ chức HĐGD cho SV ngành Giáo dục mầm non

Có 3 nhóm yếu tố được đặt ra là nhóm yếu tố sinh viên, yếu tố giáo viên và nhóm yếu tố từ nhà trường. Kết quả thu được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Giảng viên			Sinh viên		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
Về phía GV							
1	Nhận thức về vai trò của rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV	4,34	0,572	2	3,71	0,824	3
2	KN tổ chức HĐGD của GV	4,77	0,430	1	3,85	0,833	2
3	Đạo đức nghề nghiệp của GV	4,36	0,735	3	3,91	0,899	1
Về phía SV							
1	Nhận thức về vai trò của rèn luyện KN tổ chức HĐGD	4,73	0,464	2	3,76	0,755	4
2	Động cơ, lý tưởng, hứng thú học tập	4,73	0,462	2	3,82	0,775	3
3	Kiến thức, kỹ năng hiện có	4,55	0,605	4	3,88	0,778	2
4	Tính tích cực, tự giác trong học tập của SV	4,86	0,351	1	3,90	0,820	1
5	Phương pháp học tập	4,59	0,592	3	3,90	0,780	1
Về phía nhà trường							
1	Chương trình đào tạo	4,77	0,431	2	3,89	0,762	2
2	Tài liệu học tập	4,45	0,677	4	3,83	0,803	4
3	Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV	4,64	0,584	3	3,84	0,818	3
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường	4,41	0,597	5	3,92	0,780	1
5	Mối quan hệ với trường MN	4,82	0,398	1	3,92	0,802	1

Các chỉ số thể hiện ở bảng trên cho thấy, GV và SV đều đánh giá ở mức độ ảnh hưởng cao với các yếu tố chủ quan và khách quan do chúng tôi đưa ra.

Những yếu tố ảnh hưởng từ GV được GV lựa chọn với mức độ ảnh hưởng cao nhất là “*KN tổ chức HĐGD của GV*” (với ĐTB 4,77, xếp thứ bậc 1), trong khi đó SV chọn yếu tố ảnh hưởng ít nhất

là “*đạo đức nghề nghiệp của GV*” (ĐTB 3,91, xếp thứ bậc 1), yếu tố “*Nhận thức về vai trò của rèn luyện KN tổ chức HĐGD*” được SV xếp ở vị trí thứ 3 với ĐTB 3,71. Kết quả này cho thấy, hầu như SV cho rằng việc GV nắm vững kiến thức về HĐGD là điều đương nhiên với vai trò là người tổ chức hướng dẫn rèn luyện còn đạo đức nghề nghiệp của GV sẽ chi phối nhiều đến việc tổ chức hướng dẫn

SV hình thành và phát triển các KN sư phạm nói chung, KN tổ chức HĐGD nói riêng.

Về yếu tố chủ thể là SV ảnh hưởng nhiều đến quá trình rèn luyện KN tổ chức HĐGD của chính họ. Hầu hết GV và SV đánh giá cao *tích cực tự giác của SV trong kết quả học tập và rèn luyện*, bởi lẽ SV chính là chủ thể của hoạt động học tập. Cả GV và SV xếp yếu tố “*tích cực, tự giác học tập của SV*” ở vị trí số 1 (ĐTB ở GV là 4,86, ở SV ĐTB là 3,90). Yếu tố được quan tâm nhiều tiếp theo là “*Phương pháp học tập*” được SV xếp ở vị trí số 1, ngang bằng với “*yếu tố tích cực, tự giác của SV*” (GV xếp ở vị trí số 3 với ĐTB 4,59). Điều này cho thấy SV rất đề cao thái độ học tập của bản thân, đây cũng là thuận lợi cũng là cơ sở để nhà trường tìm ra những tác động phù hợp đến hứng thú, động cơ học tập của SV. Kiến thức, KN hiện có cũng là nhân tố được đánh giá có nhiều ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV.

Yếu tố thuộc về nhà trường có ảnh hưởng to lớn đến việc rèn luyện KN tổ chức HĐGD của SV ngành GDMN. Yếu tố được GV đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất đó là mối quan hệ với trường MN (ĐTB 4,82, xếp thứ bậc 1) và Chương trình đào tạo (ĐTB 4,77, xếp thứ bậc 2). Đối với SV ngoài việc đánh giá mối quan hệ với trường mầm non ở vị trí số 1 thì các em cũng chọn yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường ở cùng vị trí (với ĐTB 3,92), sau đó là đến chương trình đào tạo (ĐTB 3,89) và tài liệu học tập (ĐTB 3,83).

Nhìn chung, cả GV và SV đều cho rằng quá trình rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành

GDMN chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Mỗi yếu tố có mức độ ảnh hưởng khác nhau, tuy nhiên chỉ số khác biệt thực sự không đáng kể. Việc nhìn nhận được sự tác động của các nhân tố trên đến quá trình rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN sẽ là định hướng đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả đào tạo và rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN.

4. KẾT LUẬN

Tổ chức HĐGD là một trong những KN cần thiết giúp cho SV ngành GDMN thực hiện tốt hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. Thực tiễn rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV ngành GDMN ở trường Đại học Tây Nguyên cho thấy, SV đã có nhận thức tốt về sự cần thiết của KN tổ chức HĐGD và đã có những KN cơ bản trong tổ chức HĐGD, tuy nhiên mức độ đạt được chưa cao, chủ yếu ở mức đạt (trung bình). Quá trình đào tạo, nhà trường đã sử dụng nhiều con đường khác nhau để rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV. Các hình thức dạy học cũng được quan tâm để thực hiện, tuy nhiên có một số hình thức dạy học tích cực còn ít được sử dụng. Việc kiểm tra đánh giá kết quả rèn luyện KN tổ chức HĐGD đang thiếu các hình thức khuyến khích sự tham gia của SV. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện KN tổ chức HĐGD cho SV trong đó có các yếu tố xuất phát từ nhà trường, GV và chính bản thân SV. Kết quả nghiên cứu trên đây là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện KN tổ chức HĐGD nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non nói chung.

THE CURRENT SITUATION OF TRAINING SKILLS IN EDUCATIONAL ACTIVITY ORGANIZATION FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Anh Mai¹, Bui Thi Tam¹, Vu Trong Hao¹

Received Date: 28/10/2024; Revised Date: 11/11/2024; Accepted for Publication: 15/11/2024

ABSTRACT

Training the skills of organizing educational activities for students majoring in Preschool Education is the task of teacher training schools. This article aims to survey the current situation of practicing the skills of organizing educational activities of students majoring in Early Childhood Education at Tay Nguyen University. The research results show that students have a good awareness of the necessity of the skills of organizing educational activities and have basic skills in organizing educational activities in preschools. However, the level of achievement of these skills is not high, which stems from the current situation of using teaching methods, forms of assessment, as well as the factors that affect the process of practicing the skills of organizing educational activities for students majoring in Early Childhood Education. The research results provide a direction to propose measures to improve the effectiveness of practicing the skills of organizing educational activities for students majoring in Early Childhood Education and contribute to further improving the quality of preschool teacher training at Tay Nguyen University.

Keywords: Educational activities, skills of organizing educational activities, students majoring in Early Childhood Education.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 01/VBHN – BGD&ĐT về ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*.
- Nguyễn Thị Hòa (2023). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học sư phạm.
- Đặng Thành Hưng (2010). Nhận diện và đánh giá kỹ năng. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa Giáo dục Việt Nam*, số 64, tr 12-15.
- Nguyễn Quang Uẩn (1996). *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Như Ý (1999). *Đại Từ điển Tiếng Việt*. NXB Văn hóa – Thông tin.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Thi Anh Mai; Tel: 09731121292; Email: ntamai@ttn.edu.vn.